

# Cảm thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*

Phan Nguyễn Thanh Tân\*, Bùi Thanh Thảo\*\*, Ngô Bảo Tín\*\*\*

Nhận ngày 27 tháng 3 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 5 năm 2024.

**Tóm tắt:** Thời gian vừa thuộc định luật tự nhiên, vừa thuộc định luật xã hội. Đây là phạm trù phức tạp, có nội hàm rộng, gồm nhiều vấn đề. Trong nhận thức của con người, mọi sự tồn tại đều thuộc quỹ đạo thời gian, kể cả các dạng thức thời gian chưa xác định. Nghệ thuật nói chung và văn chương nói riêng không là ngoại lệ. Tuy nhiên, bên cạnh những quy luật phổ quát về thời gian, văn chương tồn tại thời gian chuyên biệt, được gọi là thời gian nghệ thuật. Cảm thức thời gian là hướng nghiên cứu thời gian nghệ thuật trong văn chương, góp phần khám phá giá trị thẩm mỹ của tác phẩm và quan niệm nghệ thuật của nhà văn. Bài viết nhận diện và kiến giải biểu hiện của cảm thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* ở hai phương diện: thời gian tuần hoàn - thời gian của mọi thời gian và thời gian tuyến tính - thời gian phi thời gian. Qua đó, chúng tôi mong muốn khẳng định vai trò của thời gian nghệ thuật trong văn chương, đồng thời góp thêm hướng tiếp cận về tập thơ này.

**Từ khóa:** Thơ Nôm của Lê Thánh Tông, *Hồng Đức quốc âm thi tập*, cảm thức thời gian.

**Phân loại ngành:** Văn học

**Abstract:** Time belongs to both natural and social law. This is a complex category with a broad connotation, including many issues. In human perception, all existence follows the time trajectory, including indeterminate forms of time. Art in general, and literature in particular, is no exception. However, besides the universal laws of time, literature has a specialized form of time, called artistic time. The sense of time is the approach to studying artistic time in literature, contributing to the exploration of the work's aesthetic values, and the author's artistic perspective. The article identifies and interprets expressions of the sense of time in *Hồng Đức quốc âm thi tập* in two aspects: cyclic time - the time of all time and linear time - timeless time. Thereby, we aim to affirm the role of artistic time in literature, and at the same time contribute to the approach to this collection of poems.

**Keywords:** Nôm poems by Lê Thánh Tông, *Hồng Đức quốc âm thi tập*, sense of time.

**Subject classification:** Literature

## 1. Mở đầu

Sự vận động, phát sinh, cải biến của vạn vật tác động đến việc hình thành ý thức về thời gian của nhân loại. Ở mỗi thời kỳ, con người có nhiều quan điểm khác nhau về thời gian, nhưng “thời gian là gì?” vẫn là nghi vấn của nhân loại trong hành trình minh giải thế giới. Văn chương là hình thái ý thức xã hội phức tạp, có chức năng phản ánh hiện thực. Tuy khởi nguyên từ cuộc đời, văn chương không dừng lại ở việc sao chép rập khuôn cuộc đời mà diễn tả “cái bên trong”, mối liên hệ khó giải bày trong cảm thức con người. Một trong những yếu tố phổ biến được văn chương phản ánh là thời gian. Thời gian trong văn chương được gọi là thời gian nghệ thuật, thể hiện cảm thức của tác giả trước sự vận hành của thế giới.

*Hồng Đức quốc âm thi tập* là tập thơ Nôm do nhân sĩ của Hội Tao Đàn sáng tác, với sự chủ xướng của Lê Thánh Tông. Kế thừa từ nội dung và hình thức của thơ Nôm có trước, đặc biệt là *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi, *Hồng Đức quốc âm thi tập* có thể được xem là

\*,\*\* Trường Đại học Cần Thơ.

Email: phannguyenthanhtan7@gmail.com

\*\*\* Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

đỉnh cao của văn chương thời đại thịnh trị Hồng Đức. Trong tập thơ, thời gian nghệ thuật có độ chệnh nhất định so với thời gian lịch sử, biểu hiện ở hai dạng thức: thời gian tuần hoàn và thời gian tuyến tính. Điều này được phản ánh qua cảm thức của chủ thể trữ tình trong việc tái hiện sự kiện, khắc họa thiên nhiên và bộc lộ xúc cảm.

Đến nay, ở Việt Nam, học giới đã có những nghiên cứu về *Hồng Đức quốc âm thi tập*, tiêu biểu như: *Thơ đề vịnh thiên nhiên trong Hồng Đức quốc âm thi tập* của Trần Quang Dũng, *Thơ Tứ thú trong Hồng Đức quốc âm thi tập* của Trần Quang Dũng, *Giá trị biểu đạt của ngôn ngữ đời sống trong Hồng Đức quốc âm thi tập* của Trần Quang Dũng,... Thực tế cho thấy, học giới chưa phổ biến những nghiên cứu về cảm thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*. Nghiên cứu *Hồng Đức quốc âm thi tập* trong sự vận động và tương tác của các dạng thức thời gian là hướng nghiên cứu có tính mới. Một mặt, nghiên cứu củng cố một số vấn đề cơ bản về cảm thức thời gian. Mặt khác, nghiên cứu chỉ ra và làm rõ biểu hiện của cảm thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, từ đó cung cấp gợi ý thú vị cho việc khai thác giá trị của tập thơ.

## 2. Một số vấn đề cơ bản về cảm thức thời gian

Cảm thức có thể được hiểu là nhận thức cảm tính của con người về cuộc sống, phản ánh đặc thù tư duy phương Đông. Cảm thức là cội nguồn của mọi quy ước chân lý, phương tiện để con người tri giác thế giới và kiếm tìm câu trả lời cho sự tri giác đó. Trong hành trình minh giải nghi vấn lớn nhất “ta là ai? Vì sao ta có mặt?”, nhân loại đã và đang tri giác nhiều yếu tố, trong đó có thời gian. Từ cơ sở lý giải về cảm thức, cảm thức thời gian có thể được hiểu là nhận thức cảm tính của con người về phạm trù thời gian.

Tương chừng như đơn giản, kỳ thực thời gian là phạm trù lớn và bí ẩn. Thời gian vừa thuộc định luật tự nhiên, vừa thuộc định luật xã hội. Thời gian được tri giác đa dạng và phức tạp, nhưng tựu trung đều xuất phát từ mong muốn định nghĩa thời gian, thấu hiểu thời gian và kiểm soát thời gian. Thời gian không tồn tại một cách sáo rỗng mà bao hàm quy ước cụ thể. Con người tạo ra các đơn vị định lượng thời gian mang tính phổ quát, cho là quy luật (giây, phút, giờ, ngày, tháng, năm,...), để nhận thức sự tồn tại và vận hành của thế giới theo ba thời đoạn: quá khứ - hiện tại - tương lai. Dạng thức thời gian này có nguồn gốc từ sự quy ước về thời vụ và mùa màng theo tư duy nông nghiệp cổ xưa, nên được tri giác theo kiểu tuần hoàn - xoay vòng chu kỳ. Thời gian tuần hoàn có quan hệ mật thiết với không gian vũ trụ, không gian thần tiên - thoát tục như: thượng giới, địa ngục, bồng lai... Trong các dạng thức thời gian được quy ước, thời gian tuần hoàn là dạng thức cơ bản và thuần túy nhất, đồng thời là dạng thức chiếm ưu thế và bao hàm các dạng thức khác, thời gian của mọi thời gian. Bên cạnh đó, nhân loại còn có dạng thức thời gian phi thời gian, được gọi là thời gian tuyến tính. Về bản chất, thời gian tuyến tính được xác lập qua thời gian tuần hoàn, sự biến chuyển của thiên nhiên (ngày - đêm, mặt trời lặn - mọc, xuân - hạ - thu - đông,...), nhưng biểu đạt ý nghĩa khác, thiên về ý niệm con người. Dạng thức thời gian này gắn với không gian thực tại, vận hành bằng cách phủ định chính nó, liên tục biến đổi và không quy hồi, như Heraclitus nhận định: “Không ai tắm hai lần trên một dòng sông”. Mối quan hệ của thời gian tuần hoàn và thời gian tuyến tính là mối quan hệ hữu cơ giữa vĩnh hằng và nhất thời, giữa bất biến và khả biến.

Cảm thức thời gian là “mảnh đất màu mỡ” của nghệ thuật nói chung và văn chương nói riêng. Vốn là phạm trù phức tạp, khi thâm nhập vào đời sống văn chương, cảm thức thời gian càng trở nên đa dạng và phong phú, thoát khỏi giá trị thực dụng và trở thành phương tiện biểu đạt giá trị thẩm mỹ, góp phần thể hiện quan niệm nghệ thuật và phong cách của nhà văn. Trong văn chương Việt Nam, đặc biệt là giai đoạn trung đại, cảm thức thời gian thường biểu hiện ở hai dạng thức: thời gian tuần hoàn và thời gian tuyến tính. Về bản chất, hai dạng thức này chỉ mang tính quy ước tương đối, giao thoa với nhau, được phân loại để nhận diện và kiến giải biểu hiện của cảm thức thời gian trong văn chương.

### 3. Khảo sát và thống kê biểu thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*

Nghiên cứu cảm thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, chúng tôi khảo sát và thống kê biểu thức thời gian ở hai bộ phận cấu thành nên chỉnh thể, đó là các nhóm biểu thức thời gian trong tiêu đề văn bản và các nhóm biểu thức thời gian trong nội dung văn bản. Cụ thể:

Bảng 1. Thống kê các nhóm biểu thức thời gian trong tiêu đề thơ Nôm - *Hồng Đức quốc âm thi tập*

STT	Nhóm biểu thức	Mẫu biểu thức Ngôn ngữ	Số tiêu đề	Tỉ lệ %	Số lần sử dụng	Tỉ lệ %
1	Định danh thời gian	Nguyên đán	1	2,33	1	2,33
		Xuân	3	6,98	3	6,98
		Hạ	3	6,98	3	6,98
		Thu	7	16,28	7	16,28
		Đông	3	6,98	3	6,98
		Nguyệt	8	18,60	8	18,60
		Cây quế	1	2,33	1	2,33
		Tuyết	1	2,33	1	2,33
		Cúc	1	2,33	1	2,33
		Mai	5	11,63	5	11,63
2	Sự vật biểu trưng/biểu đạt thời gian	Mẫu đơn	1	2,33	1	2,33
		Tùng	1	2,33	1	2,33
		Trúc	1	2,33	1	2,33
		Liên	5	11,63	5	11,63
		Hòe	1	2,33	1	2,33
		Hải đường	1	2,33	1	2,33
Tổng			43	100,00	43	100,00

Nguồn: Nhóm tác giả khảo sát

Qua khảo sát tiêu đề *Hồng Đức quốc âm thi tập*, chúng tôi thu được 43/102 tiêu đề là biểu thức ngôn ngữ hàm chứa thời gian, chiếm 42,16%. Về mặt ngôn ngữ học, 42 biểu thức ngôn ngữ hàm chứa thời gian có cấu tạo là danh ngữ, danh từ. Dựa vào chức năng biểu đạt, biểu thức ngôn ngữ được chia thành hai nhóm: 1. *nhóm định danh thời gian* và 2. *nhóm sự vật biểu trưng/ biểu đạt thời gian*.

Ở nhóm 1, chúng tôi thu được 5 mẫu, gồm “nguyên đán”, “xuân”, “hạ”, “thu”, “đông”. Trong đó, mẫu “thu” có tỉ lệ cao nhất. Về số lượng tiêu đề, mẫu xuất hiện trong 7 tiêu đề và chiếm 16,28% tổng số tiêu đề. Về số lần sử dụng, mẫu được sử dụng 7 lần và chiếm 16,28% tổng số lần sử dụng. Mẫu “nguyên đán” có tỉ lệ thấp nhất. Về số lượng tiêu đề, mẫu xuất hiện trong 1 tiêu đề và chiếm 2,33% tổng số tiêu đề. Về số lần sử dụng, mẫu được sử dụng 1 lần và chiếm 2,33% tổng số lần sử dụng.

Ở nhóm 2, chúng tôi thu được 11 mẫu, gồm “nguyệt”, “cây quế”, “tuyết”, “cúc”, “mai”, “mẫu đơn”, “tùng”, “trúc”, “liên”, “hòe”, “hải đường”. Trong đó, mẫu “nguyệt” có tỉ lệ cao nhất với số lượng là 8 tiêu đề (18,6%) và số lần là 8 lần (18,6%). Các mẫu “cây quế”, “tuyết”, “cúc”, “mẫu đơn”, “tùng”, “trúc”, “hòe”, “hải đường” cùng có tỉ lệ thấp nhất với số lượng 1 tiêu đề (2,33%) và số lần sử dụng là 1 lần (2,33%).

Dựa vào việc phân tích số liệu khảo sát từ *Bảng 1. Thống kê các nhóm biểu thức thời gian trong tiêu đề thơ Nôm - Hồng Đức quốc âm thi tập*, chúng tôi nhận thấy số lượng xuất hiện của biểu thức ngôn ngữ hàm chứa thời gian trong các tiêu đề thơ là khá lớn, với 43 biểu thức (42,16%). Tất cả mẫu biểu đạt thời gian đều thuộc điển phạm trung đại phương Đông. Điều này góp phần phản ánh cảm thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* thiên về cảm thức thời gian phương Đông - dạng thức thời gian tuần hoàn, cảm tính.

Ngoài các nhóm biểu thức thời gian trong tiêu đề văn bản, các nhóm biểu thức thời gian trong nội dung văn bản là yếu tố quan trọng góp phần thể hiện cảm thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*:

Bảng 2. Thống kê các nhóm biểu thức thời gian trong thơ Nôm - *Hồng Đức quốc âm thi tập*

STT	Nhóm biểu thức	Mẫu biểu thức	Số biểu thức	Tỉ lệ	Số lần sử dụng	Tỉ lệ	Số bài	Tỉ lệ/92 =100%
1	Định danh thời gian	Xuân (xuân, thiều quang)	2	2,60	27	9,18	21	20,59
		Hạ (hè)	1	1,30	6	2,04	3	22,83
		Thu	1	1,30	18	6,12	13	3,26
		Đông	1	1,30	11	3,74	8	14,13
		Trùng dương	1	1,30	1	0,34	1	8,70
		Đêm	1	1,30	8	2,72	8	1,09
		Khuya	1	1,30	1	0,34	1	8,70
		Chiều	1	1,30	1	0,34	1	1,09
Tổng (1)		8	9	11,70	73	24,82	56	60,87
2	Biểu đạt thời gian qua điển cố gắn với nhân vật (chuyên nghĩa từ danh từ chỉ người)	Nghiêu	2	2,60	2	0,68	2	2,17
		Thuần	2	2,60	2	0,68	2	2,17
		Nghiêu - Thuần	5	6,49	5	1,70	5	5,43
		Tống Ngọc	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Khai Nguyên	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Chức Nữ	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Quý Ưng	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Nhục Thu	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Huyền Minh	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Đông Hoàng	1	1,30	1	0,34	1	1,09
Tổng (2)		10	16	20,79	16	5,44	16	17,39
3	Đơn vị thời gian	Mùa	1	1,30	13	4,42	9	9,78
		Mồng	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Ngày (ngày, ngày ngày)	2	2,60	19	6,46	11	11,96
		Tháng (tháng, tháng tháng)	2	2,60	6	2,04	4	4,35
		Năm (năm, niên)	2	2,60	3	1,02	3	3,26
		Phút	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Giờ	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Canh	1	1,30	12	4,08	8	8,70
Tổng (3)		8	11	14,30	56	19,04	38	41,30
4	Sự vật, hiện tượng biểu trưng/biểu đạt thời gian	Nhật Nguyệt (trăng, nguyệt)	2	2,60	30	10,20	25	27,17
		Sao	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Mẫu đơn (Ảng nại nàng Diêu)	1	1,30	1	0,34	1	1,09

	Liễu	1	1,30	1	0,34	1	1,09	
	Lựu	1	1,30	1	0,34	1	1,09	
	Quế	1	1,30	2	0,68	2	2,17	
	Hồe	1	1,30	5	1,70	5	5,43	
	Ngô đồng	1	1,30	2	0,68	2	2,17	
	Mai	1	1,30	1	0,34	1	1,09	
	Tuyết (hoa sáu, tuyết)	2	2,60	10	3,40	7	7,61	
	Nhạn	1	1,30	2	0,68	2	2,17	
	Ve	1	1,30	2	0,68	2	2,17	
	Kim phong	1	1,30	3	1,02	3	3,26	
	Bóng xế	1	1,30	1	0,34	1	1,09	
	Nắng	1	1,30	1	0,34	1	1,09	
	Chói chói	1	1,30	1	0,34	1	1,09	
	Tối	1	1,30	1	0,34	1	1,09	
	<b>Tổng (4)</b>	<b>18</b>	<b>20</b>	<b>26</b>	<b>66</b>	<b>22,44</b>	<b>58</b>	<b>63,04</b>
	Thuở	1	1,30	34	11,56	24	26,09	
	Bao giờ	1	1,30	1	0,34	1	1,09	
	Nay	1	1,30	2	0,68	2	2,17	
	Mai (một mai, mai)	2	2,60	5	1,70	4	4,35	
5	Phiếm chi/khó định lượng cụ thể thời gian	Bảy lâu	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Lúc	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		No nao	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Rày	1	1,30	2	0,68	2	2,17
		Kiếp	1	1,30	3	1,02	3	3,26
		Đời	1	1,30	4	1,36	4	4,35
		Xưa	1	1,30	8	2,72	7	7,61
	<b>Tổng (5)</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>15,6</b>	<b>62</b>	<b>18,36</b>	<b>50</b>	<b>54,35</b>
	Biểu đạt tính chất của thời gian (chuyên nghĩa từ từ ngữ chỉ không gian, tính từ chỉ đặc điểm tính chất của thực thể phi thời gian)	Già	1	1,30	2	0,68	2	2,17
		Non	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Lâu	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Chầy	1	1,30	9	3,06	8	8,70
		Trước	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Đã	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Trễ	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Sơ	1	1,30	1	0,34	1	1,09
		Cũ	1	1,30	4	1,36	4	4,35
	<b>Tổng (6)</b>	<b>9</b>	<b>9</b>	<b>11,70</b>	<b>21</b>	<b>7,14</b>	<b>20</b>	<b>21,74</b>
	<b>Tổng</b>	<b>64</b>	<b>77</b>	<b>100,00</b>	<b>294</b>	<b>100,00</b>	<b>92/102</b> (chưa kể trùng lặp)	<b>258,69%</b> (bao hàm sự trùng lặp)

Nguồn: Nhóm tác giả khảo sát

Qua quá trình khảo sát các nhóm biểu thức thời gian trong nội dung *Hồng Đức quốc âm thi tập*, chúng tôi thu được 92/102 bài có xuất hiện mẫu biểu thức thời gian, 64 mẫu, 77 biểu thức và 294 lần sử dụng. Dựa vào chức năng biểu đạt, 64 mẫu được chia thành 6 nhóm: *Định danh*

thời gian; biểu đạt thời gian qua tích gắn liền với nhân vật (chuyển nghĩa từ danh từ chỉ người); đơn vị thời gian; sự vật, hiện tượng biểu trưng/ biểu đạt thời gian; phiếm chỉ/ khó định lượng cụ thể thời gian; biểu đạt tính của thời gian (chuyển nghĩa từ từ ngữ chỉ không gian; tính từ chỉ đặc điểm tính chất của thực thể phi thời gian). Về mẫu, nhóm 4 có số lượng mẫu nhiều nhất, gồm 18 mẫu, chiếm 28,13% tổng số mẫu; nhóm 1 có số lượng mẫu ít nhất, gồm 8 mẫu, chiếm 12,50% tổng số mẫu. Về biểu thức, nhóm 4 có số lượng biểu thức nhiều nhất gồm 20 biểu thức, chiếm 25,97% tổng số biểu thức; nhóm 1 và nhóm 6 cùng có số lượng biểu thức ít nhất gồm 9 biểu thức, chiếm 11,69% tổng số biểu thức. Về số bài, nhóm 4 có số bài sử dụng nhiều nhất gồm 58 bài, chiếm 63,04% tổng số bài (92); nhóm 2 có số bài sử dụng ít nhất, gồm 16 bài, chiếm 17,39% tổng số bài (92).

Về chi tiết, tần suất sử dụng biểu thức ngôn ngữ hàm chứa thời gian trong 92 bài là 3,2 lần/bài và tần suất sử dụng biểu thức ngôn ngữ hàm chứa thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* là 2,88 lần/ bài. Mẫu “Nghieu - Thuần” có số lượng biểu thức ngôn ngữ nhiều nhất, gồm 5 biểu thức, chiếm 1,7%. Mẫu “thuở” có số lần sử dụng cao nhất, gồm 34 lần, chiếm 11,56%. Mẫu “trăng” có số lần xuất hiện trong các bài cao nhất, gồm 25 bài, chiếm 27,17% tổng số bài (92).

Dựa vào việc phân tích số liệu khảo sát, chúng tôi nhận thấy thời gian là phạm trù quan trọng trong tập thơ này. Phần lớn mẫu biểu đạt thời gian thuộc điển phạm thơ ca trung đại, thiên về dạng thức thời gian tuần hoàn. Một số mẫu - đơn vị thời gian thể hiện dạng thức thời tuyến tính, nhưng vẫn được nhận thức qua thời gian tuần hoàn.

#### **4. Biểu hiện cảm thức thời gian trong *Hồng Đức quốc âm thi tập***

##### **4.1. Thời gian tuần hoàn - thời gian của mọi thời gian**

Mọi cảm thức của con người đều được tri giác qua sự vận động của thiên nhiên, cảm thức thời gian không là ngoại lệ. Trong lao động sản xuất, con người nhận thức các hiện tượng thiên nhiên vận động theo khuynh hướng lặp đi lặp lại, xoay vòng chu kỳ, từ đó dựa theo để canh tác. Thời gian được quy ước một cách trật tự để phục vụ hoạt động nông nghiệp, dù bản chất sự tuần hoàn đã bao hàm những biến đổi không tái lập. Ngoài phục vụ hoạt động nông nghiệp, tùy vào văn hóa cộng đồng, các thành tố trong vòng tuần hoàn thiên nhiên (ngày - đêm, sáng - chiều, xuân - hạ - thu - đông,...) còn ẩn chứa ý niệm. Chẳng hạn, trong văn hóa trung cổ, đêm là thời gian tượng trưng cho cái ác, khoảng cách giữa quỹ dữ và con người bị thu hẹp, gây nguy hiểm. Việt Nam có trường hợp tương tự: “Trong cách người Việt Nam cổ đại và trung đại hiểu về ý nghĩa của thiên nhiên có hàm chứa một nguyên lý triết học hay vũ trụ luận nào đó. Trước tiên, ta hãy quan sát cách chép của *Đại Việt sử ký toàn thư*, một bộ sử ghi chép các sự kiện, hành vi, ngôn ngữ chính trị của các bậc vương giả và triều đình. Không phải thường xuyên nhưng đã thành định lệ, rất nhiều sự kiện chép gắn liền với nhịp điệu thiên nhiên bốn mùa... Ngoài các mùa, đánh dấu nhịp thiên nhiên còn có nhịp của tháng, ngày” (Trần Nho Thìn, 2018: 111-112). Trong văn chương Đông - Tây, vấn đề này được ánh xạ đa dạng, trở thành phạm trù thẩm mỹ phổ biến.

Trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, cảm thức thời gian đa phần được thể hiện theo nhịp tuần hoàn của thiên nhiên, rõ nét là mùa. Qua việc khảo sát và thống kê các nhóm biểu thức thời gian trong tiêu đề và nội dung thơ Nôm - *Hồng Đức quốc âm thi tập*, chúng tôi thu được 5 mẫu: “Nguyên đán”, “xuân”, “hạ”, “thu”, “đông”. Đây là các mẫu biểu thức ngôn ngữ thuộc *nhóm biểu thức định danh thời gian*, phản ánh sự tuần hoàn của mùa.

Về tiêu đề, thứ tự của một số bài thơ được sắp xếp theo thứ tự tiêu đề chứa biểu thức ngôn ngữ thuộc *nhóm biểu thức định danh thời gian*, phản ánh sự tuần hoàn của mùa, cụ thể là: *Nguyên Đán* (bài 1), *Hựu* (bài 2), *Xuân* (bài 5), *Hạ* (bài 6), *Thu* (bài 7), *Đông* (bài 8), *Hựu Xuân* (bài 9), *Hựu Hạ* (bài 10), *Hựu Thu* (bài 11), *Hựu Đông* (bài 18)... Cách đặt tên và sắp xếp thứ tự tiêu đề để tạo nên sự xoay vòng chu kỳ giữa các bài thơ là biểu hiện nổi bật của cảm thức thời gian tuần hoàn.

Về nội dung, thơ có tiêu đề chứa biểu thức ngôn ngữ thuộc *nhóm biểu thức định danh thời gian*, phản ánh sự tuần hoàn của mùa, thường thể hiện nội dung tương ứng. Trong văn hóa phương Đông, mùa xuân gắn với quan niệm về sự tươi mới và sinh sôi. Để khắc họa khung cảnh thiên nhiên mùa xuân, tác giả sử dụng từ ngữ, hình ảnh quen thuộc và mang tính điển phạm như: “Mọi vật đều tươi tốt” (*Xuân* - bài 5), “thiều quang”, “cảnh rạng xuân thiên”, “đường hoa” (*Hưu Xuân* - bài 9). Do đặc thù văn chương cung đình, ngoài mục đích nghệ thuật, *Hồng Đức quốc âm thi tập* còn là phương tiện ngợi ca minh quân, xã hội thái bình thịnh trị. Dù là yêu cầu tiên quyết của sáng tác thơ về chủ đề xuân, trong trường hợp này, khung cảnh thiên nhiên mùa xuân vẫn làm nền cho việc ngợi ca. Xen cùng khung cảnh thiên nhiên mùa xuân, tác giả thường sử dụng điển “Nghieu - Thuần”. Điển này vừa thể hiện sự tiếc nhớ về thời vàng son trong quá khứ, vừa lấy đó làm gương để học tập, ngợi ca tài đức của minh quân và thời đại thái bình thịnh trị. Đây là biểu hiện của tư tưởng hoài cổ và trọng cổ, đặc điểm nổi trội của cảm thức thời gian tuần hoàn trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*: “Rực rỡ của vàng ngày Thuần rạng/ Lầu lầu phiến ngọc lịch Nghiêu phân/ Cao vọi vọi ngôi hoàng cực/ Khấp lằng lằng phúc thứ dân/ Tôi mọi dự đòi hàng ngọc duân/ Non cao kính chúc tuổi minh quân (*Nguyễn Đán* - bài 1).

Từ sự tung bừng và tươi mới của mùa xuân, thiên nhiên được bắt nhịp sang mùa hạ. Sự chuyển giao của thiên nhiên từ xuân sang hạ được diễn tả tinh tế. Thiên nhiên mùa xuân được điểm qua ở dòng thơ đầu, những dòng thơ còn lại là khung cảnh mùa hạ. Mùa xuân chẳng lại nhưng vẫn còn tín hiệu: “Thức xuân một khí hây còn khoe” (*Hạ* - bài 6). Mùa hạ bắt đầu chuyển giao: “Trương tán nắng”, “bóng rợp phủ màn hòe” (*Hạ* - bài 6). Cảm thức về sự chuyển giao thiên nhiên ảnh hưởng từ tư duy nông nghiệp chỉ là biểu hiện bề mặt của thời gian tuần hoàn. Biểu hiện bề sâu của thời gian tuần hoàn được ánh xạ qua ý nghĩa của biểu tượng mùa. Mùa không thuần túy là trạng thái thiên nhiên mà còn biểu đạt trạng thái tâm lý. Trong không khí rộn rã của thiên nhiên mùa hạ, chủ thể trữ tình thể hiện nỗi buồn và sự hoài nghi qua điển “Trang Chu mộng hồ điệp”: “Ngày chày đêm kíp sầu hồn bướm” (*Hưu hạ* - bài 10). Sự tuần hoàn của thiên nhiên cũng là sự tuần hoàn của các trạng thái tâm lý của chủ thể trữ tình trong những giai đoạn khác nhau của cuộc đời: “Từ thuở Chu Minh chịu lệnh hề/ Thừa lương đình vắng rạng bằng the/ Ngày chày đêm kíp sầu hồn bướm/ Lá rụng hoa tàn động xác ve (*Hưu Hạ* - bài 10).

Nếu thiên nhiên ở xuân - hạ phơi phới, vui tươi thì đến thu lại tĩnh lặng, trầm uất. Đây là sự “tiệm thoái” theo quy luật tuần hoàn được con người trung đại quy ước dựa vào việc quan sát thiên nhiên. Để biểu đạt điều đó, thiên nhiên mùa thu thường được khắc họa bằng hình ảnh ước lệ: “Vàng trắng”, “ngô đồng”, “giọt hơi may”... Dù thơ mộng, những hình ảnh này vẫn phảng phất nỗi buồn, qua đó cho thấy sự tác động của cảm thức con người trung đại đến việc sáng tác văn chương. Theo quy luật, đến mùa thu, vạn vật đang trong giai đoạn thanh lọc tự nhiên, quang cảnh trở nên tiêu điều và vắng lặng. Vì vậy, con người trung đại tri giác mùa thu là thời điểm của sự chia ly, chết chóc. Sống trong xã hội với sự quy ước cảm thức như thế, chủ thể sáng tạo nói riêng và đời sống nghệ thuật nói chung ít nhiều bị ảnh hưởng. Mùa thu trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* không đơn thuần là trạng thái thiên nhiên mà biểu đạt nỗi ám ảnh trong cảm thức của chủ thể trữ tình về sự tan thương và u tối: “Một nhận hòa truyền lệnh Nhục Thu/ Song thừa ngật ngật giọt hơi thu/ Vàng phôi rãnh cúc khi sương rụng/ Bạc điểm ngàn lau thuở tuyết mù (*Thu* - bài 7).

Tiếp nối vòng tuần hoàn của thời gian, đông trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* vẫn còn “hơi thu”, nhưng có sự có sự vận động tăng cấp. Thiên nhiên không chỉ tan thương, u tối mà còn xơ xác, trơ trọi. Cái lạnh lan tỏa khắp không gian, kết hợp với sự xuất hiện của tuyết, tạo nên cảm giác quạnh vắng và hoang tàn: “Điểm tuyết nào non đầu chẳng bạc” (*Đông* - bài 8), “canh chày ngọc lậu trong băng tuyết” (*Hưu Đông* - bài 12). Xét về điều kiện tự nhiên, sự xuất hiện của tuyết ở Thăng Long là vô lý. Điều này có thể lý giải từ tính ước lệ, một trong những đặc trưng cơ bản của văn chương trung đại Việt Nam. Trong cảm thức của con người thời kỳ này,

yếu tố tạo nên cái đẹp của mùa đông trong văn chương phải là tuyết. Dù trái với thực tiễn, đây vẫn được xem là chuẩn mực của một tứ thơ hay về mùa đông, như Trịnh Bá Đĩnh nhận định: “Trong nghệ thuật không có phong cảnh khách quan tuyệt đối, chỉ có phong cảnh theo cách nhìn của người quan sát, tác giả hay nhân vật. Mỗi học thuyết, trường phái lại có quan điểm riêng của mình về thế giới, về sự biểu đạt thiên nhiên trong tác phẩm” (Trịnh Bá Đĩnh, 2024: 71). Bức tranh mùa đông của thiên nhiên phản ánh bức tranh tâm trạng của chủ thể trữ tình. Trong văn chương trung đại Việt Nam nói chung và *Hồng Đức quốc âm thi tập* nói riêng, thiên nhiên luôn song hành cùng tâm trạng, vì con người thời kỳ này quan niệm “thiên nhân cảm ứng”. Khi tâm cảnh tương giao cùng ngoại cảnh, cảm xúc tại tâm được giải bày. Thi nhân không chỉ ám ảnh bởi sự tan thương và u tối của mùa thu mà trầm ngâm về sự điêu tàn và thê lương của mùa đông, tiếp đến là khát vọng về mùa xuân đậm ấm: “Một mai sang đến xuân đậm ấm/ Đường tía xem hoa biu ngựa giồng (*Đông* - bài 8).

Có thể nhận thấy, cảm thức thời gian tuần hoàn trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* là một trong những tín hiệu nghệ thuật bộc lộ trạng thái tâm lý của chủ thể trữ tình, cũng là trạng thái tâm lý của thời đại. Dù ở những giai đoạn khác nhau, sự tuần hoàn của thiên nhiên hình thành trạng thái tâm lý tương ứng, nhưng đều quy đảo về mùa xuân với khát vọng tương lai tươi sáng. Bởi lẽ, trong thời trị vì của vua Lê Thánh Tông, nhà nước Đại Việt phát triển cường thịnh, đạt được nhiều thành tựu, như Quỳnh Cư và Đỗ Đức Hùng nhận định: “Lê Thánh Tông là ông vua ở ngôi lâu nhất trong lịch sử Việt Nam. Nhưng điều đáng nói không phải vì ông ở ngôi lâu mà vì những đóng góp của triều vua này vào đời sống mọi mặt của quốc gia Đại Việt cường thịnh thời đó” (Nhiều tác giả, 1997: 41). Hưởng ứng không khí thời đại, *Hồng Đức quốc âm thi tập* ít nhiều mang khuynh hướng ngợi ca, dù có nhắc đến “bóng tối” nhưng đó là “bóng tối” trong tâm thế chuyển giao “ánh sáng”, từ trần trở suy tư đến tung bừng hạnh phúc. Trong bối cảnh văn học trung đại, số lượng tác phẩm có cảm thức thời gian thể hiện sắc thái như thế là khá ít. Điều này tạo nên sự độc đáo của cảm thức thời gian tuần hoàn trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, cho thấy đóng góp của tác phẩm này đối với tiến trình thơ Nôm trung đại nói riêng và văn học Việt Nam nói chung.

Ngoài ra, trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, sự tuần hoàn của mùa còn gắn với yếu tố huyền thoại. Khởi nguyên của huyền thoại là hệ thống truyện kể siêu thực, hoang đường, kỳ ảo, được tạo ra để lý giải sự vật, sự việc, hiện tượng trong đời sống và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người. Sự vận động của dòng chảy lịch sử khiến huyền thoại không ngừng biến thiên. Huyền thoại không chỉ là truyện kể cổ xưa mà còn trở thành khuynh hướng tư duy nghệ thuật, thâm nhập vào các thể loại khác, trong đó có thơ. Biểu hiện của tư duy huyền thoại trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* là sự hòa phối giữa thời gian tuần hoàn và thời gian huyền thoại. Tác giả thường nhắc đến những vị thần cai quản mùa/ tháng trong huyền thoại Trung Quốc. Mỗi mùa/ tháng thường được gắn với tên một vị thần, xuất hiện ở dòng đầu của bài thơ, có vai trò như phân dẫn nhập để khai triển mạch cảm xúc. Chẳng hạn, mùa xuân gắn với Đông Hoàng (“Từ thuở Đông Hoàng chịu lệnh xuân” - *Hựu Xuân* - bài 9), mùa hạ gắn với Chu Minh (“Từ thuở Chu Minh chịu lệnh hè” - *Hựu Hạ* - bài 10), mùa đông gắn với Huyền Minh (“Từ thuở Huyền Minh chịu lệnh đông” - *Hựu Đông* - bài 12),... Điều này phản ánh phương thức tư duy và văn hóa tâm linh của con người trung đại. Họ quan niệm mỗi mùa được một vị thần cai quản. Việc ngợi ca, tung hô, thờ cúng các vị thần này không chỉ hỗ trợ hoạt động nông nghiệp thuận lợi mà còn giúp con người vững lòng, bình an. Thế nhưng, thời gian huyền thoại vẫn thuộc phạm vi của thời gian tuần hoàn và chịu sự chi phối của thời gian tuần hoàn. Khi nhận thức được sự tuần hoàn của mùa, con người trung đại đã giải thích hiện tượng này bằng sự tuần hoàn của sức mạnh siêu nhiên.

Thời gian tuần hoàn là dạng thức thời gian phổ biến trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, phản ánh rõ nét qua việc kiến tạo tiêu đề và nội dung của các bài thơ. Về tiêu đề, thứ tự của một số bài thơ được sắp xếp theo thứ tự tiêu đề chứa biểu thức ngôn ngữ thuộc *nhóm biểu thức định danh thời gian*, phản ánh sự tuần hoàn của mùa. Về nội dung, thơ có tiêu đề chứa

biểu thức ngôn ngữ thuộc *nhóm biểu thức định danh thời gian*, phản ánh sự tuần hoàn của mùa, thường thể hiện nội dung tương ứng. Thời gian tuần hoàn không chỉ thể hiện ở cảnh vật thiên nhiên mà còn ở trạng thái tâm lý của chủ thể trữ tình. Ở mỗi mùa, chủ thể trữ tình bộc lộ một trạng thái tâm lý ứng với đặc trưng thiên nhiên. Nhịp tuần hoàn của các trạng thái tâm lý này thường song hành cùng nhịp tuần hoàn của thiên nhiên. Việc miêu tả ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh là điển phạm nghệ thuật quen thuộc của văn chương trung đại Việt Nam, nhưng vận dụng nó như phương tiện biểu thị cảm thức về sự tuần hoàn của thời gian thiên nhiên và thời gian tâm lý lại trở thành nét độc đáo.

#### 4.2. Thời gian tuyến tính - thời gian phi thời gian

Trong nhận thức của con người, sự tồn tại của thời gian là điều không thể phủ nhận, nhưng bí ẩn ngoài nhận thức lại trở thành nghi vấn về chính sự tồn tại của phạm trù này. Việc “Thời gian tồn tại hay không tồn tại?” và “Bản chất của thời gian là tuần hoàn hay tuyến tính?” phụ thuộc vào nhận thức. Trong trường hợp khác nhau, con người nhận thức khác nhau về thời gian, theo đó mọi sự phân loại thời gian đều mang tính tương đối. Là phương tiện để con người vận hành cuộc sống, thời gian tuần hoàn trở nên phổ quát. Các yếu tố trong cuộc sống (làm việc, học tập, thi cử, vui chơi giải trí,...) thường được ước tính bằng thời gian tuần hoàn. Các dạng thức thời gian khác cũng được nhận thức qua thời gian tuần hoàn. Tuy là đơn vị thời gian thuộc thời gian tuần hoàn, nếu được chủ thể nhận thức khác so với tâm thức cộng đồng, đơn vị thời gian này có thể không còn xoay vòng chu kỳ mà trở nên tuyến tính. Trong văn chương trung đại nói chung và *Hồng Đức quốc âm thi tập* nói riêng, có trường hợp, thời gian tuần hoàn chuyển hóa thành thời gian tuyến tính vì được chủ thể trữ tình nhận thức qua trạng thái tâm lý riêng, về một thời đoạn riêng, xa lạ với tâm thức cộng đồng.

Con người trung đại thường hướng về sự vĩnh hằng, ca tụng quá khứ, quan niệm đây là thời kỳ lý tưởng và chuẩn mực. Do đó, trong văn chương giai đoạn này, cảm thức hồi cố là biểu hiện đặc thù của thời gian tuần hoàn. Thế nhưng, trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, cảm thức hồi cố được mở rộng phạm vi phản ánh, biểu hiện ở hai dạng thức thời gian, tuần hoàn và tuyến tính. Trong đó, thời gian tuyến tính gắn với không gian thực tại, trở thành điểm tựa để chủ thể trữ tình hồi cố về những thời đoạn trong quá khứ, thổ lộ nỗi niềm trước sự biến đổi của cuộc đời.

Qua việc khảo sát và thống kê các nhóm biểu thức thời gian trong nội dung thơ Nôm - *Hồng Đức quốc âm thi tập*, chúng tôi thu được 11 mẫu biểu thức ngôn ngữ thuộc *nhóm biểu thức phiếm chỉ/ khó định lượng cụ thể thời gian*: “thuở”, “bao giờ”, “nay”, “mai” (“một mai”, “mai”), “bấy lâu”, “lúc”, “no nao”, “rày”, “kiếp”, “đời”, “xưa”. Các biểu thức này đa phần thuộc đơn vị thời gian tuần hoàn, gắn với chu kỳ vận hành của ba thời đoạn: quá khứ - hiện tại - tương lai. Thế nhưng, trong một số trường hợp, đây cũng thuộc đơn vị thời gian tuyến tính. Chủ thể trữ tình không đặt trọng tâm vào chức năng định lượng thời gian chu kỳ mà dùng những đơn vị thời gian này như một phương tiện để thể hiện dấu ấn cá nhân. Đặc trưng của thời gian tuyến tính trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* là sự đột khởi của các trạng thái tâm lý về những thời đoạn trong quá khứ. Điều này được thể hiện bằng cảm thức hồi cố của chủ thể trữ tình. Dù là đơn vị thời gian tuần hoàn, những thời đoạn này lại trở nên tuyến tính nhằm phục vụ dụng ý nghệ thuật của tác giả. Có thể xem xét trường hợp cụ thể sau: “Ngàn lau sát sát cỏ xanh xanh/ Xây nhớ ngày xưa kẻ tiết trinh/ Cách trở bấy lâu hằng giữ phận/ Hiềm nghi một phút bỗng vô tình/ Hay lòng phó mặc vàng cao thắm/ Lẻ bóng tìm nơi chốn vắng thanh/ Dầu nhẩn ai ai qua đến đây/ Thương nàng hòa lại trách Trương Sinh (*Hoàng Giang điệu Vũ Nương* - Bài 75).

Trong *Hoàng Giang điệu Vũ Nương*, mượn việc đi qua miếu bà Trương ở sông Hoàng Giang, chủ thể trữ tình hồi cố về tích truyện Vũ Nương. Tích truyện này tạo sự liên kết giữa quá khứ và thực tại trong cấu trúc thời gian của văn bản. Sự tương tác liên văn bản diễn ra

nhờ việc trích xuất tiền văn bản bằng biểu thức ngôn ngữ giàu tính hàm súc, khiến thông tin của tiền văn bản được chuyển sang văn bản chính một cách cô đọng. Điều này kiến thành trường liên tưởng giữa quá khứ và thực tại. Thực tại được đảo chiều về quá khứ để hồi cố, quá khứ được tuyến tính đến thực tại để bộc lộ xúc cảm. Dựa vào cơ chế này, người đọc có thể hiểu, chủ thể trữ tình không chỉ thể hiện sự tiếc thương cho số phận của Vũ Nương và oán trách Trương Sinh mà còn mượn quá khứ để phản ánh trường hợp tương tự trong thực tại. Tưởng chừng, đây là biểu hiện của thời gian tuần hoàn, nhưng trong đó có sự tuyến tính. Quá khứ được gọi nhắc bằng xúc cảm cá nhân, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của chủ thể trữ tình trong thực tại và kết thúc vai trò khi chủ thể trữ tình chuyển sang xúc cảm khác, cần yếu tố khác để giải bày. Dù quá khứ này có khả năng lặp lại, nhưng mỗi lần lặp lại thể hiện trạng thái tâm lý khác, với mục đích nghệ thuật khác. Hậu tuần hoàn là sự tuyến tính các trạng thái tâm lý của chủ thể trữ tình trong thực tại.

Trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, thời gian tuyến tính và thời gian tuần hoàn không tồn tại đơn lập mà tương tác lẫn nhau. Tuy nhiên, thời gian tuần hoàn vẫn là trục chính, chi phối thời gian tuyến tính. Sự kết hợp giữa thời gian tuyến tính và thời gian tuần hoàn hình thành tính đối thoại kim cổ, giúp tác giả sẻ chia chuyện hôm qua và triết luận chuyện hôm nay. Đây là tiến trình không bao giờ kết thúc, liên tục tuyến tính để phản ánh những khả thể phát sinh trong đời sống xã hội, liên tục tuần hoàn để đối thoại với quá khứ, kiếm tìm sự giao cảm giữa hôm qua và hôm nay.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu cảm thức thời gian trong văn chương không chỉ là việc kiến giải biểu hiện của thời gian nghệ thuật qua nhận thức cảm tính của chủ thể trữ tình mà còn cho thấy sự vận động của phạm trù này trong đời sống chính thể. Hướng nghiên cứu này góp phần khám phá hiện tượng nghệ thuật độc đáo, liên tục tiếp biến và tái sinh giá trị trong dòng chảy văn học Việt Nam. Trong *Hồng Đức quốc âm thi tập*, thời gian tuần hoàn và thời gian tuyến tính là hai dạng thức cơ bản, phản ánh cảm thức thời gian của tác giả. Đây là phương diện nổi bật, đang được học giới quan tâm và đặt trong sự đối sánh với cảm thức thời gian trong văn chương hiện đại - hậu hiện đại.

Khi nhân loại chuyển sang thời kỳ hiện đại - hậu hiện đại, môi trường văn chương có sự thay đổi, phạm trù thời gian được nhận diện đa chiều. Với thuộc tính nghệ thuật đậm chất truyền thống, thời gian tuần hoàn và thời gian tuyến tính không còn thỏa mãn thị hiếu thẩm mỹ của số đông người đọc và nhà văn, trở thành tiền đề cho sự hình thành và phát triển của dạng thức thời gian mới, được gọi là siêu thời gian. Dạng thức thời gian này thể hiện cảm thức hoài nghi và bất tín đại tự sự, giải quyết thỏa đáng nhu cầu được khẳng định giá trị của tiểu tự sự, gọi mở nhiều chiều hướng minh giải thế giới.

## Tài liệu tham khảo

- A.J. Gurêvich. (1998). *Các phạm trù văn hóa trung cổ* (Hoàng Ngọc Hiến dịch). Nxb. Giáo dục.
- Nguyễn Kim Châu. (2020). *Văn học cổ Việt Nam và Trung Hoa*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhiều tác giả. (1997). *Hoàng đế Lê Thánh Tông, con người và sự nghiệp*. Nxb. Văn học.
- Phạm Luận. (2012). *Nguyễn Trãi - Quốc Âm thi tập*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- Trần Nho Thìn. (2018). *Phương pháp tiếp cận văn hóa trong nghiên cứu giảng dạy văn học*. Nxb. Giáo dục Việt Nam.
- Trần Thị Giáng Hoa. (2021). *Thơ Nôm Lê Thánh Tông - tìm trong di sản quốc âm (Chuyên khảo): Hồng Đức quốc âm thi tập*. Nxb. Văn học.
- Trịnh Bá Đĩnh. (2024). *Ký hiệu học văn chương - biểu tượng và văn bản nghệ thuật*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.